TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 07 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Để

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Mãi, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2023/QĐXXST- DS ngày 09 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1976 *(có đơn xin vắng mặt)*

Địa chỉ: ấp X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Anh Lê Văn P, sinh năm 1973 *(vắng mặt)*

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị N và anh Lê Văn P chung sống với nhau vào năm 1993, đến nay chưa đăng ký kết hôn, chung sống hạnh phúc đến năm 2019, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng trong sinh hoạt đời sống hàng ngày, vợ chồng ly thân nhau từ năm 2019 đến nay.

Vợ chồng có 03 con chung tên Lê Minh L, sinh ngày 04/10/1993, Lê Anh T, sinh năm 27/3/2004, Lê Minh T1, sinh ngày 03/7/2018 hiện nay cháu L, cháu T đã thành niên tự lao động sinh sống được; chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T1, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị N1 xác định là không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai.

Nay yêu cầu được ly hôn với anh P, yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên T1, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại phiên tòa: Chị N1 xin vắng mặt nên không có lời trình bày.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Văn P vắng mặt không có lời trình bày.***

Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện chưa đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về tình cảm vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Lê Văn P là vợ chồng; về con chung: Lê Minh L, sinh ngày 04/10/1993, Lê Anh T, sinh năm 27/3/2004 đã thành niên và tự lao động sinh sống được nên không xét, giao con chung Lê Minh T1, sinh ngày 03/7/2018 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét; về tài sản chung và nợ: Không tranh chấp tài sản chung và không nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh P thực hiện không đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự nên được xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và ngày 23/5/2023 chị N nộp đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án đến nơi cư trú của anh P để tiến hành lấy lời khai nhưng anh P không có mặt tại nơi cư trú nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai anh P được, ngày 09/6/2023 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự và hoãn phiên tòa lần thứ nhất do anh P vắng mặt không lý do, Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa cho anh P nhưng anh P vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Văn P chung sống với nhau vào năm 1993, nhưng đến nay chị N và anh P không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(UBND xã nơi một trong hai người cư trú)*. Như vậy là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 *(có hiệu lực ngày 01/01/2015)* nên thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là *" Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"* và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình quy định *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này"*. Do đó, nay chị N có yêu cầu ly hôn với anh P, thì theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Tòa án sẽ quyết định bằng bản án, tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Lê Văn P là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị N xác định, chị Nguyễn Thị N và anh Lê Văn P có 03 người con chung tên Lê Minh L, sinh ngày 04/10/1993, Lê Anh T, sinh năm 27/3/2004, Lê Minh T1, sinh ngày 03/7/2018. Xét thấy, Lê Minh L, sinh ngày 04/10/1993, Lê Anh T, sinh năm 27/3/2004 đã thành niên và tự lao động sinh sống được nên không xét. Lê Minh T1, sinh ngày 03/7/2018 hiện nay đang sống chung với chị N, chị N có yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T1, xét thấy chị N có đủ điều kiện để nuôi con chung và từ khi chị N và anh P ly thân đến nay cháu T1 sống chung với chị N. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung Lê Minh T1, sinh ngày 03/7/2018 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị NguyễnThị Ngào không yêu cầu anh Lê Văn P cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị N xác định là không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lê Văn P.

- *Về quan hệ con chung:* Lê Minh L, sinh ngày 04/10/1993, Lê Anh T, sinh năm 27/3/2004 đã thành niên và tự lao động sinh sống được nên không xét; giao con chung Lê Minh T1, sinh ngày 03/7/2018 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị Nguyễn Thị N xác định là không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số: 0001125 ngày 28/2/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị N đã nộp xong.

- *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt, báo cho chị Nguyễn Thị N và anh Lê Văn P biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện AM;
- Tòa án tỉnh KG;
- CCTHADS huyện AM;
- UBND xã Đông Hưng A;
- Lưu HS, Văn phòng TA huyện AM.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA